

Thang đo sức mạnh thị trường



25 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,163.10	0.11	-0.20	68.50
HNX	267.19	-0.56	8.53	166.95
UPCOM	80.38	-0.15	5.09	62.28
MSCI EM	1,298.44	-1.91	-6.17	55.22
NIKKEI	28,729.88	1.14	-4.77	46.98
HANG SENG	27,899.61	-0.07	-7.23	18.58
KOSPI	3,008.33	0.40	-2.95	76.47
FTSE	6,712.30	-0.01	0.91	18.00
S&P 500	3,889.14	-0.55	1.56	57.10
NASDAQ	12,961.89	-2.01	-1.20	75.53

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.03	2.45	13.69
SET INDEX	39.71	1.72	4.33
JCI INDEX	32.38	1.58	4.15
PCOMP INDEX	29.54	1.62	6.15

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.10	1	5	-100
10 năm	2.41	3	11	-51

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,085	-0.06	-0.27	2.22
US\$/KRW	1,134	0.00	-2.25	8.50
US\$/JPY	109	-0.38	-2.69	1.89
US\$/EUR	0.85	0.07	3.13	-7.81
US\$/GBP	0.73	-0.03	2.34	-13.21
US\$/SGD	1.35	-0.07	-1.58	7.45

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	633	598	328
HNX	111	98	41
UPCOM	56	49	20

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Giảng co quanh ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn

Sau ba phiên liên động cửa ở sắc đỏ, VN-Index đóng cửa khi ghi nhận mức tăng nhẹ 1,29 điểm đóng cửa ở mốc 1,163 điểm (+0,11 DoD) trong phiên giao dịch hôm nay.

Đóng góp tích cực ở chiều tăng điểm thu hẹp đà giảm có sự đóng góp của VIC, SSB và CTG với điểm tác động lần lượt 2,25 điểm; 0,45 điểm và 0,4 điểm. Ở chiều ngược lại, GVR là mã tác động vào chiều giảm điểm với điểm số 0,58 điểm.

Sau 1 tháng bán ròng liên tiếp của khối ngoại, khối ngoại đã quay lại mua ròng với giá trị hơn 270 tỷ hôm nay. Trong đó, VIC và NVL là 2 mã được mua ròng nhiều nhất với giá trị lần lượt 756 tỷ và 33 tỷ. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chịu áp lực bán ròng với giá trị đạt 132 tỷ.

Mặc dù VN-Index đi ngang với điểm số đánh giá kỹ thuật tăng từ mức đánh giá -5 điểm lên -4 điểm, nhưng xu hướng kỹ thuật ngắn hạn vẫn duy trì ở mức TIÊU CỰC.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

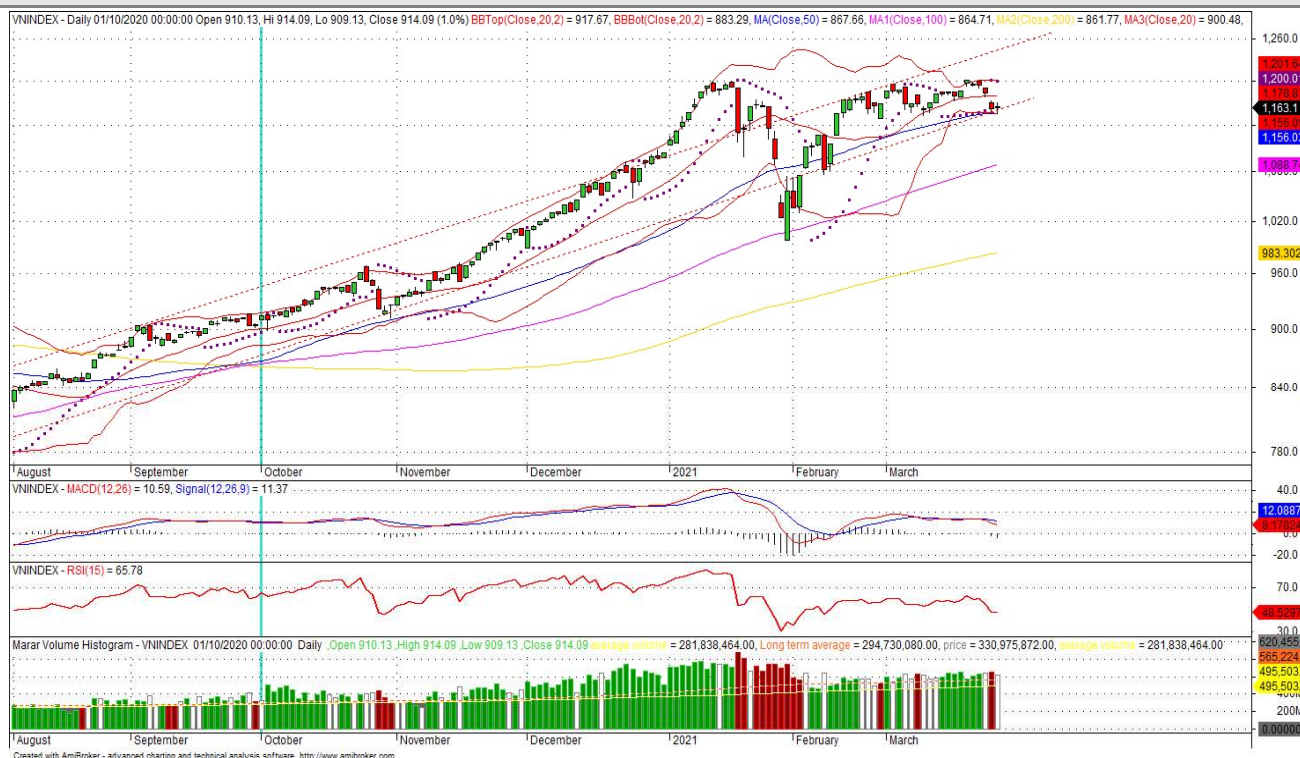
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (25/03/2021)	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.140 - 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.100

VN-Index phản ứng tích cực khi về ngưỡng hỗ trợ MA50 ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

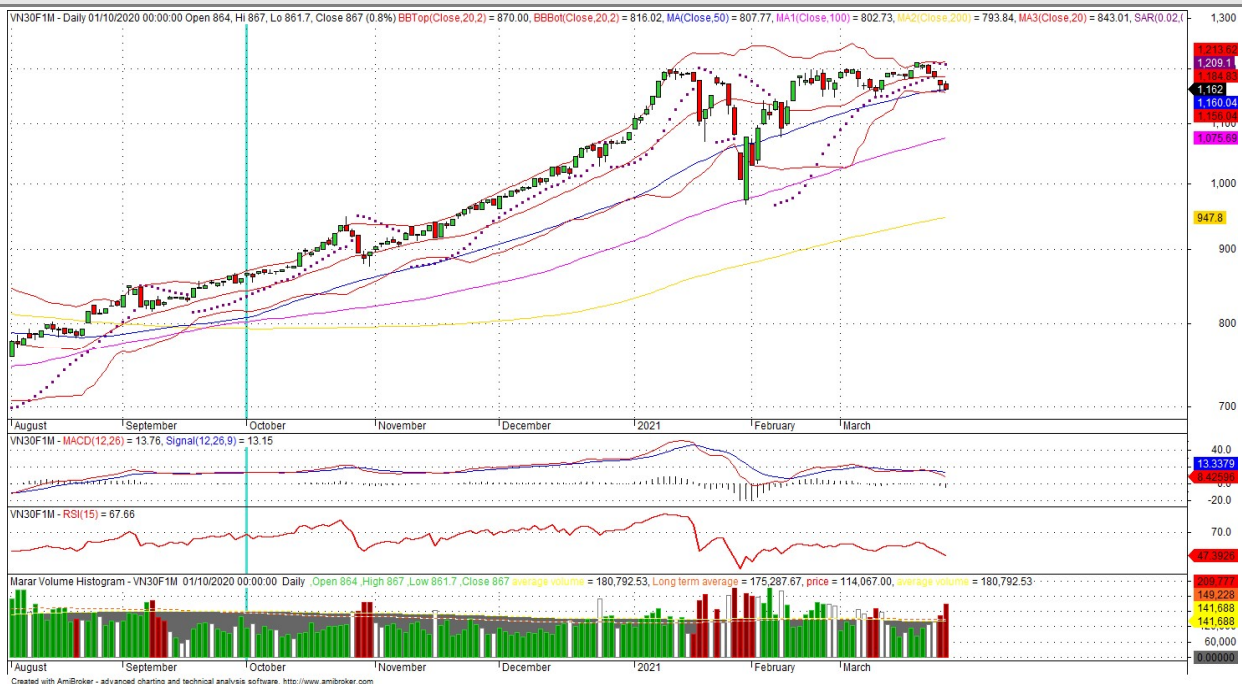
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (25/03/2021)	1.162	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.300
VN30 - đóng cửa	1.164	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,64	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-7	TIÊU CỰC

Trái ngược với diễn biến ở thị trường cơ sở, hợp đồng phái sinh VN30F1M ghi nhận mức giảm 8,9 điểm trong phiên hôm nay

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.9	3,655,845	-4	TIÊU CỰC	3,526	11.4	1.0
ACB	32.05	9,730,615	-7	TIÊU CỰC	69,278	9.0	2.0
ART	6.9	5,386,505	0	TRUNG TÍNH	669	#N/A N/A	0.6
ASM	15	3,577,125	-7	TIÊU CỰC	3,883	7.8	0.9
BCG	14.7	2,477,315	-5	TIÊU CỰC	2,991	9.9	1.4
BID	42.25	2,615,075	-4	TIÊU CỰC	169,930	24.3	2.2
BSR	16.4	16,889,890	-2	TRUNG TÍNH	50,848	18.3	1.5
BVH	59.4	812,630	1	TRUNG TÍNH	44,094	28.5	2.2
CEO	12.1	5,604,990	-2	TRUNG TÍNH	3,114	#N/A N/A	1.1
CII	23.75	2,918,170	-4	TIÊU CỰC	5,672	23.1	1.2
CTD	73.1	896,620	-7	TIÊU CỰC	5,430	12.7	0.6
CTG	39.4	11,678,835	0	TRUNG TÍNH	146,702	10.7	1.7
CTR	98	527,950	-6	TIÊU CỰC	7,035	38.1	7.8
DBC	58.2	2,592,250	-4	TIÊU CỰC	6,097	4.2	1.4
DCM	16.7	4,915,935	-2	TRUNG TÍNH	8,841	16.4	1.4
DGC	67.3	811,715	-6	TIÊU CỰC	10,012	11.7	2.6
DGW	117.9	357,925	-4	TIÊU CỰC	5,070	19.9	4.4
DIG	30.35	4,638,330	-5	TIÊU CỰC	9,559	14.5	2.0
DPM	19.35	3,126,200	-4	TIÊU CỰC	7,572	11.6	0.9
DRC	28.2	2,004,050	-2	TRUNG TÍNH	3,350	13.1	2.0
DXG	23.95	7,581,310	0	TRUNG TÍNH	12,413	#N/A N/A	2.0
FCN	14.1	3,806,300	-4	TIÊU CỰC	1,769	15.0	0.8
FLC	10.45	27,566,830	5	KHẢ QUAN	7,419	46.4	0.8
FPT	76.6	2,221,430	0	TRUNG TÍNH	60,047	16.9	3.8
FRT	31.15	2,036,990	6	KHẢ QUAN	2,460	99.5	2.0
GAS	90.3	863,040	-6	TIÊU CỰC	172,830	22.4	3.6
GEX	22	6,170,790	-5	TIÊU CỰC	10,603	13.2	1.6
GMD	33	2,345,060	2	TRUNG TÍNH	9,945	29.1	1.7
GVR	27.6	4,000,830	-7	TIÊU CỰC	110,400	25.8	2.3
HAG	5.15	7,162,235	-2	TRUNG TÍNH	4,776	#N/A N/A	0.8
HAH	23.2	1,712,665	-5	TIÊU CỰC	1,100	8.5	1.0
HAP	19.2	3,322,830	5	KHẢ QUAN	1,065	26.2	1.5
HBC	17.9	7,304,570	-7	TIÊU CỰC	4,133	55.5	1.2
HCM	30	4,317,420	-6	TIÊU CỰC	9,151	17.3	2.1
HDB	25.6	4,588,720	-4	TIÊU CỰC	40,800	9.6	1.8
HDC	43.5	1,158,435	-4	TIÊU CỰC	2,893	12.5	2.6
HDG	43.2	1,973,770	-5	TIÊU CỰC	6,665	6.9	2.1
HNG	11.4	10,396,760	-7	TIÊU CỰC	12,638	588.2	1.5
HPG	45	18,532,644	-7	TIÊU CỰC	149,098	11.1	2.5
HPX	35.3	1,046,675	-4	TIÊU CỰC	9,337	34.0	2.9
HQC	3.06	17,395,276	-4	TIÊU CỰC	1,458	152.0	0.3
HSG	27.3	8,821,310	-4	TIÊU CỰC	12,129	8.1	1.7
HUT	6.2	6,747,915	-2	TRUNG TÍNH	1,666	#N/A N/A	0.6
HVN	32.35	1,762,350	0	TRUNG TÍNH	45,882	#N/A N/A	7.2
IDC	37.5	3,158,110	2	TRUNG TÍNH	11,250	37.3	3.1
IJC	28.95	8,451,645	-4	TIÊU CỰC	6,285	11.4	1.9
ITA	6.75	10,563,115	0	TRUNG TÍNH	6,334	36.4	0.6
KBC	38.2	4,904,255	-1	TRUNG TÍNH	17,945	105.1	1.9
KDC	51	1,279,235	-4	TIÊU CỰC	11,666	51.2	2.0
KDH	30.9	1,706,565	-4	TIÊU CỰC	17,267	15.1	2.1
KSB	33.5	1,921,985	-3	TRUNG TÍNH	2,232	7.9	1.4
LCG	14.8	5,507,780	-7	TIÊU CỰC	1,706	5.5	1.0

LDG	7.8	6,785,485	2	TRUNG TÍNH	1,868	156.0	0.6
LPB	15.95	11,873,480	-5	TIÊU CỰC	17,140	9.2	1.2
MBB	27.55	16,582,225	-5	TIÊU CỰC	77,106	9.3	1.6
MBS	21.7	1,900,445	-7	TIÊU CỰC	3,566	13.3	1.7
MSN	86	1,033,705	-6	TIÊU CỰC	101,023	81.6	6.3
MWG	128.8	726,835	-7	TIÊU CỰC	60,037	14.9	3.8
NKG	21.7	6,566,530	-4	TIÊU CỰC	3,732	12.8	1.2
NLG	34.3	1,422,140	-2	TRUNG TÍNH	9,442	11.0	1.6
NVB	14.5	5,837,245	-6	TIÊU CỰC	5,899	4,866.9	1.4
NVL	80	2,325,265	-4	TIÊU CỰC	79,282	20.1	3.1
OIL	14.1	3,056,850	-4	TIÊU CỰC	14,583	#N/A N/A	1.5
PDR	62.2	3,521,825	0	TRUNG TÍNH	27,106	23.1	5.3
PET	22	3,013,580	-4	TIÊU CỰC	1,839	13.7	1.2
PHR	58.5	831,250	-7	TIÊU CỰC	7,927	7.3	2.5
PLX	56.2	3,438,645	-4	TIÊU CỰC	69,902	89.0	3.2
POW	12.6	18,243,264	-7	TIÊU CỰC	29,508	13.4	1.0
PVD	21.7	9,758,790	-7	TIÊU CỰC	9,139	76.2	0.7
PVM	23.7	2,271,985	-6	TIÊU CỰC	916	18.4	2.0
PVS	22.2	13,090,480	-7	TIÊU CỰC	10,611	16.4	0.9
PVT	16.9	4,510,250	-7	TIÊU CỰC	5,470	8.7	1.1
REE	53.4	838,460	-7	TIÊU CỰC	16,503	10.2	1.4
ROS	4.18	19,902,224	2	TRUNG TÍNH	2,373	1,393.3	0.4
S99	27.1	1,736,275	-4	TIÊU CỰC	1,421	8.7	1.8
SBT	22.15	4,356,575	-3	TRUNG TÍNH	13,670	23.4	1.8
SCR	8.7	4,447,675	-7	TIÊU CỰC	3,187	17.9	0.7
SHB	17.8	32,696,124	0	TRUNG TÍNH	31,159	11.3	1.3
SHS	27.3	7,797,745	-5	TIÊU CỰC	5,658	7.5	1.8
SSI	30.8	11,171,195	-7	TIÊU CỰC	19,893	14.7	1.9
STB	18.75	24,019,760	-4	TIÊU CỰC	33,819	12.6	1.2
SZC	38	956,000	-7	TIÊU CỰC	3,800	20.4	3.0
TCB	39.35	11,375,930	-2	TRUNG TÍNH	137,918	11.2	1.9
TCH	21.8	4,734,145	-5	TIÊU CỰC	8,163	8.5	1.6
TNG	22.3	2,840,185	-7	TIÊU CỰC	1,774	10.6	1.4
TPB	26.9	5,177,930	-7	TIÊU CỰC	27,752	7.7	1.7
TTF	6.81	5,540,500	7	KHẢ QUAN	2,119	60.1	#N/A N/A
VCB	95.1	1,250,520	-2	TRUNG TÍNH	352,714	19.1	3.6
VCI	60.7	1,375,120	0	TRUNG TÍNH	10,052	13.0	2.2
VGJ	18.1	2,121,840	-7	TIÊU CỰC	9,050	32.2	1.5
VHC	38.55	1,278,480	-7	TIÊU CỰC	7,014	10.0	1.4
VHM	96.7	2,156,230	-7	TIÊU CỰC	318,096	11.4	3.7
VIC	110.4	1,412,250	7	KHẢ QUAN	373,420	70.4	4.8
VIX	33.8	7,722,355	-6	TIÊU CỰC	4,317	13.1	2.5
VJC	128.1	572,220	-6	TIÊU CỰC	67,104	969.9	4.5
VND	28.9	5,446,845	-2	TRUNG TÍNH	6,066	8.7	1.6
VNM	98.5	3,161,055	-7	TIÊU CỰC	205,861	20.7	6.6
VPB	43.25	4,922,430	-5	TIÊU CỰC	106,168	10.1	2.0
VPI	35	1,382,540	-6	TIÊU CỰC	7,000	22.8	2.5
VRE	32.85	4,823,550	-7	TIÊU CỰC	74,646	31.3	2.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Reuters: Biden sắp công bố kế hoạch chi tiêu có thể lên đến 4.000 tỷ USD

Tổng thống Joe Biden dự kiến đến thành phố Pittsburgh, bang Pennsylvania, ngày 31/3, Nhà Trắng thông báo. Pittsburgh là thành phố lao động phổ thông, nơi có Công đoàn Công nhân Ngành thép – đồng minh lâu đời của ông chủ Nhà Trắng. Ông Biden dự kiến thúc đẩy kế hoạch “Build Back Better” (Xây dựng lại tốt hơn) có thể lên đến 4.000 tỷ USD nhằm đầu tư vào đường và cầu, đồng thời đối phó với biến đổi khí hậu, các vấn đề chính sách nội địa như bất bình đẳng thu nhập. Kế hoạch được cho là chia làm hai phần. Gói ban đầu để chi cho các dự án giao thông vận tải truyền thống. Gói thứ hai giải quyết các ưu tiên trong nước như chăm sóc sức khỏe trẻ em toàn quốc hay miễn học phí.

Thủ tướng: Việt Nam đã trở thành nền kinh tế có quy mô đứng thứ 4 trong ASEAN và 37 thế giới

Trình bày báo cáo công tác nhiệm kỳ Chính phủ tại kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa XIV sáng nay, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết những đột phá chiến lược là ưu tiên trong trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ, trong đó đột phá về hạ tầng mang tính dẫn dắt cho thu hút đầu tư, phát triển của các ngành, lĩnh vực, nâng cao chất lượng tăng trưởng. Nhiều công trình hạ tầng được hoàn thành, đưa vào sử dụng, tạo thêm năng lực, sức cạnh tranh và diện mạo mới cho đất nước. Việt Nam đang đầu tư mới 654 km đường bộ cao tốc Bắc - Nam, các tuyến cao tốc kết nối các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Việc hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều tuyến đường kết nối liên vùng, liên tỉnh như cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, cầu Cao Lãnh, Vàm Cống... Những dự án đầu tư xây dựng mới, mở rộng hệ thống sân bay, đặc biệt 3 sân bay như Long Thành, Nội Bài và Tân Sơn Nhất; Chính phủ còn tập trung nâng cao năng lực hệ thống cảng biển, logistics, hạ tầng công nghiệp, viễn thông, mạng 5G...

VIB: sẽ phát hành 25.000 tỷ đồng giấy tờ có giá năm 2021

HDQT [VIB](#) vừa phê duyệt đề xuất phát hành 25.000 tỷ đồng giấy tờ có giá và phương án phát hành trái phiếu cho năm 2021. Tổng giám đốc được ủy quyền thực hiện tất cả các công việc liên quan trong quá trình phát hành giấy tờ có giá gồm thời điểm phát hành, lãi suất, kỳ hạn, quyền mua/bán lại, phương án mua lại... Cuối năm 2020, khoản giấy tờ có giá của VIB ở mức 28.559 tỷ đồng, chiếm 12% tổng nguồn vốn, tăng 66% so với đầu năm. Năm 2021, VIB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế trên 7.510 tỷ đồng, tăng 29% so với 2020. Tổng tài sản dự kiến tăng 25,5% lên 307.015 tỷ đồng. Trong đó, tổng dư nợ tín dụng tăng 31% lên 224.800 tỷ đồng, huy động vốn tăng 31,2% lên 234.790 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.

HVN: khởi động kế hoạch bay thương mại thẳng đến Mỹ

Hội đồng quản trị Vietnam Airlines ([HoSE: HVN](#)) vừa chấp thuận kế hoạch triển khai bay đến Mỹ, trong đó giai đoạn đầu sẽ xin phép bay thường lệ với nhà chức trách Mỹ cho đến khi phục vụ hết nhu cầu hồi hương người Việt và tiến tới khai thác thương mại thường lệ từ năm 2022. Từ tháng 5/2020, Vietnam Airlines đã thực hiện 12 chuyến bay đưa người Việt Nam từ Mỹ về nước trước tình hình dịch Covid-19 tại Mỹ diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, số lượng người Việt tại Mỹ có nhu cầu về nước còn rất lớn nhưng Vietnam Airlines đã khai thác hết số chuyến bay hồi hương được nhà chức trách Mỹ cho phép ngay từ tháng 8/2020. Nhằm phục vụ nhu cầu lớn của cộng đồng người Việt Nam tại Hoa Kỳ, Vietnam Airlines cần tiếp tục thực hiện các chuyến bay hồi hương dưới hình thức xin phép bay thương mại thường lệ.

SZL: lên kế hoạch lãi 87 tỷ đồng, giảm 15%

Theo báo cáo thường niên, Sonadezi Long Thành ([HoSE: SZL](#)) lên kế hoạch năm 2021 gồm tổng doanh thu 410 tỷ đồng, tăng 1%; lãi sau thuế 87 tỷ, giảm 15% so với năm trước.

Cổ tức dự kiến 25%. Sonadezi Long Thành được thành lập để thực hiện dự án đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai. 3 mảng kinh doanh chính của doanh nghiệp gồm cho thuê khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu và cung cấp nước, xử lý nước thải khu công nghiệp. Năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận 405 tỷ đồng doanh thu, giảm 5% so với năm trước và thực hiện 99% kế hoạch năm. Lãi sau thuế 102 tỷ đồng, giảm 1% và thực hiện vượt 17% kế hoạch năm. Ban lãnh đạo cho biết doanh thu mảng kinh doanh xăng dầu năm vừa qua ghi nhận giảm do ảnh hưởng của giá dầu thế giới giảm mạnh. Ngoài ra, đơn vị cũng áp dụng chính sách hỗ trợ giảm giá cho khách hàng hiện hữu ở khu công nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Doanh thu phát sinh từ hoạt động cung cấp nước và xử lý nước thải giảm cũng do đa số các khách hàng trong khu công nghiệp giảm quy mô, năng suất hoạt động.

PET: chấm dứt hợp tác với SSG tại dự án Cape Pearl

Mới đây, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco, [HoSE: PET](#)) cho biết đã chấm dứt hợp tác với CTCP Tập đoàn S.S.G (SSG) tại dự án Cape Pearl, sau hơn 10 năm liên doanh phát triển dự án. Dự án Cape Pearl có diện tích gần 20.000 m² nằm ngay bờ sông Sài Gòn giao cắt với kênh Thanh Đa. Năm 2010, Petrosetco có kế hoạch hợp tác với SSG với hy vọng tận dụng được kinh nghiệm và thế mạnh của nhau để góp phần thúc đẩy việc triển khai dự án được nhanh chóng. Petrosetco và SSG đã thành lập Công ty TNHH Petrosetco SSG (PSSSG) làm chủ đầu tư dự án, trong đó Petrosetco nắm 51% vốn. Năm 2016, dự án được SSG đầu tư và dự kiến hoàn thiện vào năm 2018. Đây là khu phức hợp gồm nhà ở, căn hộ, kết hợp với dịch vụ thương mại... sẽ cung cấp ra thị trường với 21 căn biệt thự ven sông và hơn 500 căn hộ chung cư cao cấp.

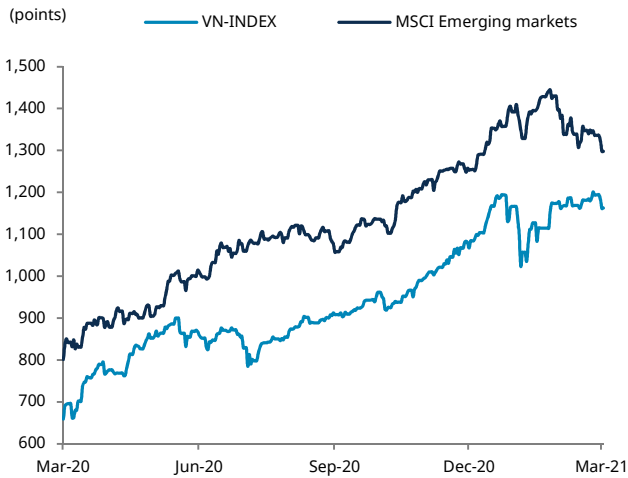
KBC: đặt mục tiêu lãi ròng 2.000 tỷ đồng năm 2021, cao nhất từ trước tới nay

Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC) công bố kế hoạch kinh doanh năm 2021 với doanh thu hợp nhất dự kiến 6.600 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2.000 tỷ đồng. Kế hoạch này tăng mạnh so với thực hiện năm 2020, doanh thu gấp 2,7 lần, lợi nhuận ròng gấp 7,4 lần. Trong năm 2021, Kinh Bắc muốn tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối, và tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Vấn đề này sẽ được đưa ra thảo luận tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Ban lãnh đạo Kinh Bắc cho biết công ty đang có nhiều dự án đã đạt được các phê duyệt cần thiết về mặt pháp lý, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh. Để đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan chức năng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, các quỹ đầu tư... công ty phải đảm bảo các yêu cầu về quy mô vốn điều lệ, giá trị vốn hóa trong hoạt động đầu tư - kinh doanh, mở rộng thị trường và thực hiện hàng loạt các dự án quy mô lớn.

LDG: lên kế hoạch LNST cao gấp 23 lần lên 301 tỷ đồng

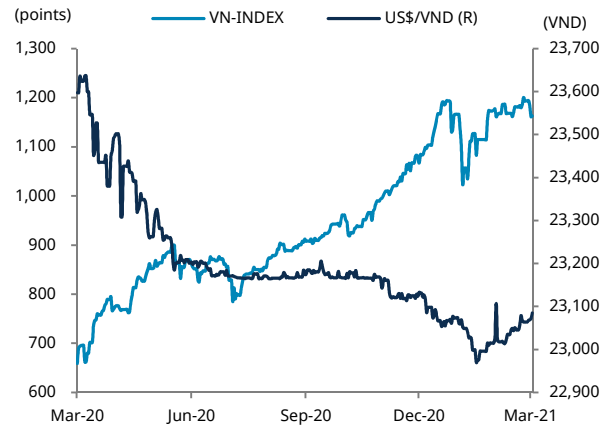
Năm 2021, LDG nhận định sẽ là một năm khó khăn của nền kinh tế nói chung và thị trường bất động sản (BDS) nói riêng khi dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Theo đó, năm nay Công ty dự kiến sẽ tập trung triển khai các dự án đã nhận chuyển nhượng hoàn thiện thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và bán hàng. Tương ứng, HĐQT dự kiến trình kế hoạch doanh thu 1.574 tỷ đồng, LNST 301 tỷ, lần lượt 13,4% và tăng mạnh gấp hơn 23 lần so với năm 2020. Kết thúc năm 2020, LDG đạt 1.388 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 77% so với cùng kỳ, tuy nhiên LNST giảm từ mức 603 tỷ xuống còn 13 tỷ đồng do không còn khoản thu thanh lý khoản đầu tư dài hạn. So với kế hoạch, LDG chỉ hoàn thành được 65% mục tiêu về doanh thu và vốn vện 2% mục tiêu LNST

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



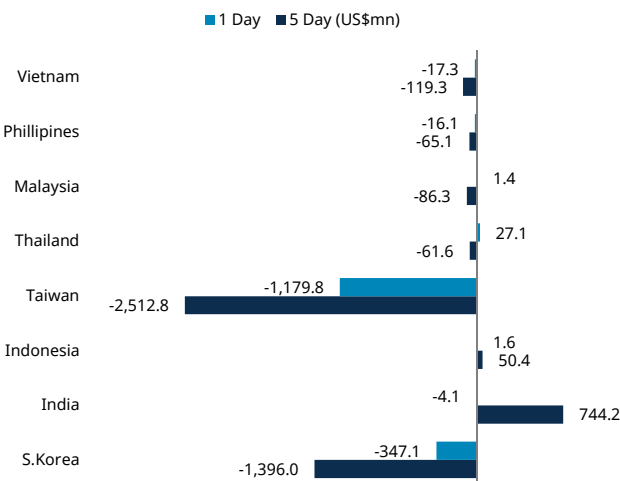
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



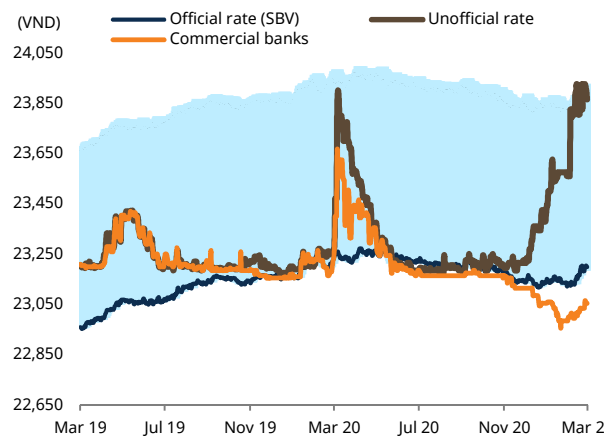
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



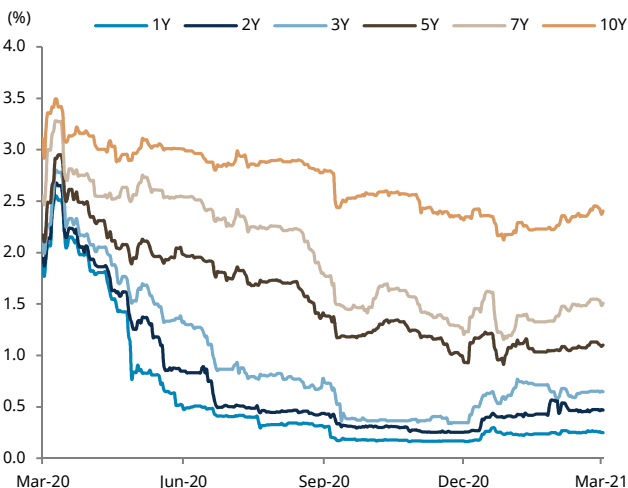
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



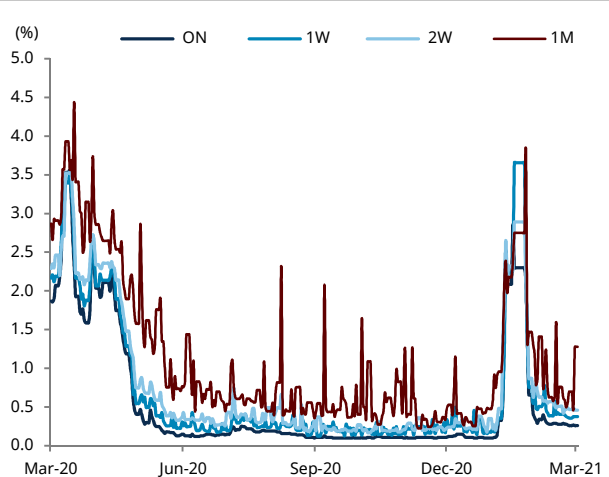
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,164.64	3,014,652		-0.1	-3.9	-0.4	78.5	15.0	12.6	2.6	2.2	18.7	17.5	19.1	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,250	169,930	17.1	0.2	-6.1	-1.6	27.3	17.2	12.1	1.9	1.6	41.8	12.0	15.4	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,400	44,094	27.6	-0.2	-2.1	-0.3	60.8	27.1	21.7	2.1	1.9	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	39,400	146,702	27.5	1.0	-2.7	5.6	101.5	8.8	8.2	1.5	1.4	7.6	17.9	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	76,600	60,047	49.0	-0.5	-5.4	0.5	91.5	15.3	12.9	3.3	2.9	18.1	24.4	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,300	172,830	2.8	0.2	-1.6	1.2	50.2	17.0	16.6	3.3	3.1	2.4	19.1	19.3	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	25,600	40,800	16.8	0.4	-6.9	0.4	112.3	7.4	6.2	1.5	1.3	18.9	18.9	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	45,000	149,098	30.3	-1.0	-3.4	1.9	203.4	8.9	8.0	2.0	1.6	11.4	25.4	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	30,900	17,267	34.8	0.0	-4.0	-4.6	67.7	14.1	10.7	2.0	1.7	31.8	15.2	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,550	77,106	23.2	-0.2	-5.7	0.9	104.3	7.5	6.3	1.4	1.1	19.7	19.8	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	86,000	101,023	32.2	1.1	-4.1	-4.0	75.2	40.3	22.1	5.0	4.0	81.9	12.9	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	128,800	60,037	49.0	-0.8	-3.6	-5.1	76.4	12.1	9.4	3.0	2.5	29.2	27.9	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	80,000	79,282	6.3	0.3	-1.5	0.0	55.3	20.2	17.3	2.6	2.2	16.8	11.4	11.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	62,200	27,106	2.4	-0.8	0.6	10.0	230.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,200	69,902	16.4	-0.2	-2.6	-3.8	40.1	21.2	17.2	2.9	2.9	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	85,000	19,326	49.0	1.1	0.1	1.2	54.8	15.3	12.2	3.3	2.7	25.0	22.7	24.1	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,600	29,508	4.2	-1.2	-9.0	-0.8	60.5	13.5	12.0	1.0	0.9	13.0	7.6	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	53,400	16,503	49.0	-1.1	-1.3	-5.3	82.9	9.3	7.7	1.3	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,150	13,670	7.9	-2.4	-5.7	0.9	86.1	NA	NA	NA	NA	NA	7.4	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	30,800	19,893	42.0	-1.6	-7.5	-7.9	167.6	12.9	12.8	NA	NA	0.5	12.7	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,750	33,819	9.2	1.9	-4.8	1.4	105.8	12.9	7.8	1.1	1.0	66.0	9.5	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,350	137,918	22.5	0.1	-6.2	0.6	137.0	9.3	8.1	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,800	8,163	5.2	-0.5	-8.4	-1.1	19.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	26,900	27,752	30.0	-0.2	-7.2	-1.6	50.1	7.1	5.1	1.3	1.1	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	95,100	352,714	23.5	0.4	-2.5	-3.2	53.4	16.9	13.5	3.0	2.5	24.7	20.4	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	96,700	318,096	22.3	-0.5	-3.0	-5.9	63.6	10.3	8.6	2.8	2.1	19.8	31.0	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	110,400	373,420	14.0	2.3	3.6	1.4	44.3	48.3	36.2	4.0	3.6	33.5	8.2	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	128,100	67,104	19.1	0.1	-5.0	-5.1	31.9	62.0	21.9	4.1	3.3	182.7	5.2	18.8	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	98,500	205,861	56.3	-0.2	-3.9	-5.8	28.5	19.3	17.5	6.0	5.4	10.0	35.1	35.6	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	43,250	106,168	23.4	-1.9	-5.7	9.2	113.1	8.8	7.4	1.6	1.3	19.0	19.9	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,850	74,646	30.6	-1.6	-6.1	-2.7	73.8	25.8	20.5	2.4	2.1	25.6	9.3	11.0	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN-Index	1.29	4,337,086	0.1	-3.2	-0.2	68.5	18.0	14.8	2.4	2.3	22.1	13.7	17.5	
Ô tô và phụ tùng	0.00	8,276	-0.2	-3.5	2.9	56.6	5.8	5.4	1.0	0.9	24.3	10.9	10.5	
Ngân hàng	0.10	1,301,474	0.0	-3.4	1.6	67.1	12.4	10.0	1.9	1.6	19.2	18.0	18.5	
Xây dựng cơ bản	-0.28	170,982	-0.6	-4.1	1.2	100.5	5.2	4.4	0.4	0.3	NA	5.6	5.6	
Dịch vụ thương mại	0.00	4,662	-0.1	-1.4	2.8	47.6	6.7	5.3	NA	NA	-29.4	11.2	13.1	
May mặc và trang sức	0.16	39,101	1.6	2.4	9.2	184.7	11.9	9.8	2.4	2.0	-9.8	17.8	17.6	
Dịch vụ tiêu dùng	-0.04	8,893	-1.1	-1.0	4.6	33.8	13.6	4.7	NA	NA	NA	3.7	9.7	
Dịch vụ tài chính	-0.15	66,834	-0.8	-7.6	1.3	154.9	8.1	3.6	NA	NA	48.3	9.1	3.6	
Năng lượng	-0.07	87,658	-0.3	-1.2	-3.8	58.3	20.7	16.2	2.5	2.4	-64.1	13.8	15.0	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.04	526,783	0.0	-3.1	-4.1	52.7	20.9	15.7	4.4	3.9	-13.7	22.5	23.8	
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	933	-0.9	-3.9	7.3	61.2	NA	NA	NA	NA	-39.5	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	11,966	0.3	-5.5	3.4	6.8	6.9	6.1	NA	NA	51.1	24.0	24.1	
Bảo hiểm	0.01	50,831	0.1	-2.7	0.0	56.7	24.1	19.3	1.8	1.7	28.7	7.5	8.7	
Nguyên vật liệu	-1.09	370,340	-1.1	-5.0	2.6	188.8	13.2	13.0	1.7	0.9	62.2	15.9	14.5	
Giải trí và truyền thông	0.00	1,229	0.6	-1.8	-1.8	-19.1	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA	
Dược phẩm	0.02	35,226	0.2	-0.7	1.8	37.9	NA	NA	NA	NA	11.9	NA	NA	
Bất động sản	1.80	1,066,733	0.7	-0.4	-0.9	64.9	9.2	8.2	1.7	1.6	-37.1	9.7	9.8	
Bán lẻ	-0.15	68,482	-0.8	-2.8	-4.1	78.4	24.0	18.4	2.7	2.3	-3.4	14.5	15.1	
Phần mềm và dịch vụ	-0.08	64,361	-0.5	-4.1	1.1	90.8	11.3	8.8	2.6	2.2	10.2	25.2	26.0	
Thiết bị và phần cứng	-0.02	5,070	-1.8	-2.6	24.9	527.1	14.3	12.1	3.1	2.7	48.6	22.8	24.1	
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,221	4.8	3.1	1.2	312.5	13.4	10.9	3.5	2.8	14.2	27.1	26.8	
Vận tải	0.54	175,256	1.2	-1.9	1.4	55.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tiện ích	0.11	259,520	0.2	-1.3	1.0	46.5	26.6	10.3	5.0	4.1	-29.0	-20.1	10.8	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	110,400	2.32	4,322,000	2.25
SSB VN	21,550	6.95	1,464,100	0.45
CTG VN	39,400	1.03	14,674,100	0.40
VCB VN	95,100	0.42	1,160,300	0.39
HVN VN	32,350	2.70	1,543,100	0.32
MSN VN	86,000	1.06	1,076,400	0.28
BCM VN	55,800	1.45	20,100	0.22
STB VN	18,750	1.90	28,724,300	0.17
LGC VN	67,000	5.02	2,400	0.16
EIB VN	19,000	2.70	512,200	0.16

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	27,600	-1.95	4,806,600	-0.58
VPB VN	43,250	-1.93	2,258,200	-0.55
VHM VN	96,700	-0.51	2,404,000	-0.44
HPG VN	45,000	-0.99	19,929,000	-0.40
VRE VN	32,850	-1.65	5,291,700	-0.33
ACB VN	32,050	-1.23	8,322,000	-0.23
VIB VN	43,100	-1.60	949,400	-0.21
MWG VN	128,800	-0.85	506,500	-0.14
VNM VN	98,500	-0.20	3,152,700	-0.11
POW VN	12,600	-1.18	13,389,000	-0.09

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.